

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC TOÀN CẦU**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC TOÀN CẦU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GLOBAL EDUCATION DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GLOBAL EDUCATION

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108541702

**3. Ngày thành lập:** 10/12/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 31, ngõ 397, đường Phạm Văn Đồng, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02422.699.888

Fax:

Email: [contact@giaoductoancau.edu.vn](mailto:contact@giaoductoancau.edu.vn) Website: [giaoductoancau.edu.vn](http://giaoductoancau.edu.vn)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                    | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động chuyển giao công nghệ                                                         | 7490        |
| 2.  | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);                                            | 6619        |
| 3.  | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);                                                                                                     | 7020        |
| 4.  | Cung ứng và quản lý nguồn lao động                                                                                                                                           | 7830        |
| 5.  | Giáo dục nhà trẻ                                                                                                                                                             | 8511        |
| 6.  | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                               | 8531        |
| 7.  | Đào tạo cao đẳng                                                                                                                                                             | 8533        |
| 8.  | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                | 6399        |
| 9.  | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>(trừ hoạt động của các trung tâm tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm) | 7810        |
| 10. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(trừ hợp báo)                                                                                                                   | 8230        |
| 11. | Giáo dục mẫu giáo                                                                                                                                                            | 8512        |
| 12. | Giáo dục tiểu học                                                                                                                                                            | 8521        |
| 13. | Giáo dục trung học phổ thông                                                                                                                                                 | 8523        |
| 14. | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                            | 8532        |
| 15. | Đào tạo thạc sỹ                                                                                                                                                              | 8542        |
| 16. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                         | 8559        |
| 17. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                     | 4761        |
| 18. | Cơ sở lưu trú khác                                                                                                                                                           | 5590        |
| 19. | Giáo dục trung học cơ sở                                                                                                                                                     | 8522        |
| 20. | Đào tạo đại học                                                                                                                                                              | 8541        |
| 21. | Đào tạo tiến sỹ                                                                                                                                                              | 8543        |
| 22. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                | 8551        |
| 23. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                  | 8552        |
| 24. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                      | 8560(Chính) |
| 25. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                           | 4649        |
| 26. | Cổng thông tin<br>(trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                    | 6312        |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

Thời gian đăng từ ngày 10/12/2018 đến ngày 09/01/2019

## 8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức      | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | VŨ QUANG ĐỨC   | Số nhà 56, Ngõ 110, Phường Trần Nguyên Hãn, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 200.000    | 2.000.000.000         | 20,000    | 122041122                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                           | Tổng số           | 200.000    | 2.000.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                           |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | PHAM NGOC PHÚC | Thôn Nghĩa Dũng, Xã Đại Đồng, Huyện Tứ Kỳ, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam                       | Cổ phần phổ thông | 500.000    | 5.000.000.000         | 50,000    | 142207205                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                           | Tổng số           | 500.000    | 5.000.000.000         | 50,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                           |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | LÊ VĂN ĐỊNH    | Thôn 2, Xã Đông Anh, Huyện Đông Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam                             | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 1.000.000.000         | 10,000    | 0380860066<br>52                                                                            |         |
|     |                |                                                                                           | Tổng số           | 100.000    | 1.000.000.000         | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                           |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 4   | NGÔ HỒNG NHUNG | Thôn Hưng Long Bắc, Xã Đông Long, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam                | Cổ phần phổ thông | 200.000    | 2.000.000.000         | 20,000    | C1033633                                                                                    |         |
|     |                |                                                                                           | Tổng số           | 200.000    | 2.000.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                           |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

## 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGÔ HỒNG NHUNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 14/08/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Hộ chiếu Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: C1033633

Ngày cấp: 03/11/2015

Nơi cấp: *Cục Quản lý Xuất nhập cảnh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Hưng Long Bắc, Xã Đông Long, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *P2506, Nhà CT4, Chung cư Eco Green, 286 Đường Nguyễn Xiển, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội